

Công ty Quản lý quỹ:.....

Quỹ.....

Mẫu số B02 - ETF
(Ban hành theo TT số 181/2015 /TT-BTC
Ngày 13/11/2015 của Bộ Tài chính)

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tại ngày... tháng... năm...(1)

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

	Mã số	Thuyết minh	Năm N	Năm N-1
I. TÀI SẢN	100			
1. Tiền gửi ngân hàng và tương đương tiền	110	A.7.1		
Trong đó:				
1.1. Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động của Quỹ ETF	111	A.7.1		
1.2. Tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng	112	A.7.1		
2. Các khoản đầu tư thuần	120			
2.1. Các khoản đầu tư	121	A.7.2		
2.2. Dự phòng giảm giá tài sản nhận thế chấp	122	A.7.3		
3. Các khoản phải thu	130	A.7.4		
3.1 Phải thu về bán các khoản đầu tư	131			
Trong đó: Phải thu khó đòi về bán các khoản đầu tư	132	A.7.4		
3.2. Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các khoản đầu tư	133	A.7.4		
3.2.1. Phải thu cổ tức, tiền lãi đến ngày nhận	134			
Trong đó: Phải thu khó đòi về cổ tức, tiền lãi đến ngày nhận nhưng chưa nhận được	135			
3.2.2 Dự thu cổ tức, tiền lãi chưa đến ngày nhận	136	A.7.4		
3.3. Các khoản phải thu khác	137	A.7.4		
3.4. Dự phòng nợ phải thu khó đòi (*)	138	A.7.5	(...)	(...)

TỔNG TÀI SẢN	100			
II. NỢ PHẢI TRẢ	300			
1. Vay ngắn hạn	311	A.7.6		
2. Phải trả về hoán đổi/Mua các khoản đầu tư	312	A.7.7		
3. Phải trả cho các Đại lý phân phối Chứng chỉ quỹ	313	A.7.8		
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	A.7.9		
5. Phải trả thu nhập cho Nhà đầu tư	315	A.7.10		
6. Chi phí phải trả	316	A.7.11		
7. Phải trả cho Nhà đầu tư về hoán đổi Chứng chỉ quỹ	317	A.7.12		
8. Phải trả cho Nhà đầu tư về hoán đổi lại Chứng chỉ quỹ	318	A.7.13		
9. Phải trả dịch vụ quản lý Quỹ ETF	319	A.7.15		
10. Phải trả, phải nộp khác	320	A.7.14		
TỔNG NỢ PHẢI TRẢ	300			
III. GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG CÓ THỂ PHÂN PHỐI CHO NHÀ ĐẦU TƯ NẪM GIỮ CHỨNG CHỈ QUỸ ETF (I-II)	400			
1. Vốn góp của Nhà đầu tư	411	A.7.16		
1.1 Vốn góp phát hành	412	A.7.16		
1.2 Vốn góp hoán đổi lại	413	A.7.16		
2. Thặng dư vốn góp của Nhà đầu tư	414	A.7.16		
3. Lợi nhuận chưa phân phối	420	A.7.16		
IV. GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG QUỸ ETF TRÊN 1 ĐƠN VỊ CHỨNG CHỈ QUỸ (IV=(I-II)/III)	430			
	440			
V. LỢI NHUẬN ĐÃ PHÂN PHỐI CHO NHÀ ĐẦU TƯ				
1. Lợi nhuận/Tài sản đã phân phối cho Nhà đầu tư trong năm	441	A.7.18		
2. Lợi nhuận đã phân phối cho Nhà đầu tư lũy kể từ khi thành lập Quỹ ETF đến kỳ lập báo cáo này	442	A.7.18		

VI. CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm N	Năm N-1
A	B	C	1	2
1. Tài sản nhận thế chấp	001	F.32.1		
2. Nợ khó đòi đã xử lý	002	F.32.2		
3. Ngoại tệ các loại	003	F.32.3		
4. Số lượng Chứng chỉ Quỹ ETF đang lưu hành	004	F.32.4		
5. Chứng khoán chờ thanh toán	009	F.32.5		

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, họ tên)

KẾ TOÁN TRƯỞNG
(Ký, họ tên)

....., ngày....tháng...năm...
TỔNG (GIÁM) ĐỐC
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Nguồn: Thông tư 181/2015/TT-BTC